TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-PT
Ngày: 12/5/2021.
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 180/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng X.

Địa chỉ: Ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trương Thanh V – Văn phòng Luật sư Nguyễn T-HG – Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 37, Ngô Quốc Trị, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng H.

Địa chỉ: Ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P.

2. Chị Lê Thị Kim L.

3. Anh Lê Văn T.

4. Chị Lê Thị Bích Th.

5. Chị Lê Thị Bích G.

6. Anh Lê Minh K.

7. Chị Lê Thị Mỹ L.

8. Chị Nguyễn Thị Kim B.

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

9. Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Minh H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang. Ông Hồng Minh H ủy quyền lại cho ông Trương Minh N – Chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang (văn bản ủy quyền ngày 13/8/2020). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng X, ông Lê Hoàng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng X trình bày như sau:

Nguồn gốc đất đang sử dụng là của cha mẹ bà cho. Năm 1992, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2012 được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 360 diện tích 2.850m^2, thửa 752 diện tích 300m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01089, CH01090 cấp ngày 23/5/2012 do bà Lê Thị Hồng X đứng tên. Vào khoảng năm 2000, ông Lê Hoàng H sử dụng đất cập ranh liền kề lấn qua phần đất của bà ngang khoảng 0,5m; dài khoảng 39m nhưng do chỗ anh em ruột nên bà không có ý kiến gì. Năm 2017, ông H tiếp tục lấn phần đất của bà cụ thể: ngang trước giáp lộ 1,2m; dài 38,7m; ngang phía sau 2,5m; dài 17,8m; một phần đất nền để suốt lúa ngang 01m; dài 12m. Hiện tại thì ông H đã lấn thêm phần ngang giáp lộ là 02m (trước đây lấn 1,2m); dài 38,7m. Trên phần ranh đất tranh chấp bà có trồng một số cây

như dừa, mít… Bà nhiều lần yêu cầu ông H trả phần đất lấn chiếm nhưng ông H không trả.

Nay bà yêu cầu ông Lê Hoàng H phải trả cho bà phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 159,2m^2 (trong đó có 9,5m^2 đất ven kênh) tại thửa 360; đất tọa lạc tại ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hoàng H trình bày:

Nguồn gốc đất ông đang sử dụng giáp với đất của bà Lê Thị Hồng X là của cha mẹ ông cho. Ông sử dụng ổn định, đến ngày 10/4/2002 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023 diện tích 11.880m^2 tại thửa 361, 363. Năm 2018, bà X đào ao nuôi cá có múc đất để lên phần bờ đất của ông nên phát sinh tranh chấp. Bà X cho rằng ông lấn ranh ngang trước giáp lộ 02m; dài 38,7m; ngang phía sau 2,5m; dài 17,8m; một phần đất nền để suốt lúa ngang 01m; dài 12m là không đúng sự thật. Phần đất giáp lộ có con mương, thực tế ông sử dụng phần đất liền kề giáp đất bà X ổn định không tranh chấp. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà X. Ông yêu cầu được sử dụng ổn định phần đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P, Lê Thị Kim L, Lê Văn T, Lê Thị Bích Th, Lê Thị Bích G, Lê Minh K, Lê Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Kim B là vợ và các con của bị đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Lê Hoàng H. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N do ông Trương Minh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/01/2019 Ngân hàng N Chi nhánh huyện L có cho bà Lê Thị Hồng X vay số tiền 250.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay 60 tháng. Bà X có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số CH01089, CH01090, CH01091, CH01092 cấp ngày 23/5/2012 do bà Lê Thị Hồng X đứng tên. Ngày 18/5/2018 Ngân hàng N Chi nhánh huyện L có cho ông Lê Hoàng H vay tiền 165.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay 36 tháng. Ông H có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 00023 cấp ngày 10/4/2002 do hộ Lê Hoàng H đứng tên. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay bà X, ông H có trả lãi đúng theo định kỳ; không phát sinh lãi quá hạn. Nay giữa bà X và ông H chỉ tranh chấp ranh đất nên quyền lợi của Ngân hàng không bị ảnh hưởng; vì vậy, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng X.

2. Công nhận cho bà Lê Thị Hồng X được quyền sử dụng đất diện tích 51,5m^2 tại một phần thửa 360, loại đất CLN thuộc tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Phần đất có kích thước: ngang trước giáp lộ nông thôn 01m, ngang sau 1,02m, dài giáp thửa 360 các cạnh 33,13m + 17,48m, dài cạnh còn lại 34,09m + 18,29m; thể hiện tại vị trí (IVa) theo Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

3. Công nhận cho hộ ông Lê Hoàng H được quyền sử dụng đất diện tích 98,2m^2 tại một phần thửa 361, loại đất LNK, thuộc tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Phần đất có kích thước: ngang trước giáp lộ nông thôn 1,20m, ngang sau 1,51m, dài giáp thửa 361 các cạnh 34,96m + 17,36m + 11,97m, dài cạnh còn lại 34,09m + 18,29m + 14,17m; thể hiện tại vị trí (IVb) theo Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

4. Bà Lê Thị Hồng X được sử dụng phần đất ven kênh tại vị trí (IIIa) diện tích 4,5m^2; ông Lê Hoàng H được sử dụng phần đất ven kênh tại vị trí (IIIb) diện tích 05m^2 (thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang) theo quy định pháp luật đất đai hiện hành.

5. Bà Lê Thị Hồng X và ông Lê Hoàng H được sở hữu hoa màu trên phần đất đã công nhận.

6. Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý biến động, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành tại thời điểm cấp giấy.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng; quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2020 bà Lê Thị Hồng X kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X, công nhận toàn bộ phần đất tranh chấp cho bà.

Ngày 09/10/2020 ông Lê Hoàng H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận toàn bộ phần đất tranh chấp cho ông được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng X rút yêu cầu kháng cáo và bị đơn ông Lê Hoàng H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Nguyên đơn rút đơn kháng cáo là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi đo đạc thực tế thì phần đất bà X thiếu nhưng phần đất ông H thừa 528.5m^2. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Lê Văn T, Lê Thị Bích Th, Lê Thị Bích G, Lê Minh K, Lê Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Kim B, Ngân hàng N có đại diện theo ủy quyền ông Trương Minh N vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Lê Hoàng H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất do cha mẹ cho, nguyên đơn, bị đơn đã sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo công văn số 536/UBND, ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phúc đáp công văn số 51/TA-DS ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thì việc bà Lê Thị Hồng X nhận thừa kế từ hộ Du Văn Bịch được Ủy ban

nhân dân huyện L cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01089 và Ch01090 cấp cùng ngày 23/5/2012 có trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/4/2002 cho hộ Lê Hoàng H đúng theo quy định tại khoản 7 Mục II Chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục địa chính Hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp tại vị trí (III) diện tích 9,5m^2 và vị trí (IV) diện tích 149,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 87/TTKTTN&MT ngày 01/9/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang; đất tọa lạc tại ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Đối chiếu diện tích thực tế các bên đang sử dụng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, xét thấy, bà X sử dụng ổn định (chưa tính phần tranh chấp và phần diện tích lộ giới) tại vị trí (V) diện tích 232,8m^2, vị trí (VI) diện tích 2.610,6m^2 thuộc thửa 752, 360 tổng diện tích 2.843,4m^2; so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì đất của bà X thiếu 306,6m^2 (3.150m^2 – 2.843,4m^2 = 306,6m^2). Phần đất của ông H theo đo đạc thực tế (chưa tính phần tranh chấp và phần diện tích lộ giới) tại vị trí (I) diện tích 392,1m^2, vị trí (II) diện tích 12.016,4m^2 thuộc thửa 361, 363 tổng diện tích 12.408,5m^2; so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì đất của ông H thừa 528.5m^2 (12.408.5m^2 – 11.880m^2 = 528.5m^2).

Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất vườn, bà X, ông H có trồng cây cối, hoa màu trên đất. Giáp ranh với đất tranh chấp là con mương do ông H đào để quản lý sử dụng. Vị trí đất tranh chấp từ mé mương trở qua đến hàng trúc do ông H trồng, kế bên hàng trúc có các loại cây do ông H trồng gồm Tràm Bông Vàng, Mít, Chuối, Mù U, cuối cùng là hàng Dừa loại C và Mít loại A do bà X trồng. Bà X chỉ ranh qua phần đất của ông H có trồng nhiều cây cối, hoa màu trên đất cũng như ông H chỉ ranh qua phần đất bà X có trồng nhiều cây cối loại A là không phù hợp.

Xét về hình thể thửa đất, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất bà X được nhận thừa kế từ hộ Du Văn Bịch, phần đất của bà X tại thửa 360 có một cạnh song song với một cạnh tại thửa 361 của ông H, do đó bà X chỉ ranh có đoạn gảy khúc dài 1.51m qua phần đất của ông H là không phù hợp. Mặc dù phần đất của bà X đang quản lý sử dụng có diện tích bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà X được cấp, phần đất ông H đang sử dụng có diện tích dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đối chiếu

với quá trình sử dụng đất, cây trồng trên đất tranh chấp cũng như hình thể thửa đất thì cần thiết phải chia phần đất tranh chấp ra theo hiện trạng các bên đang sử dụng để giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn là phù hợp. Do ông H đang quản lý sử dụng và trồng cây cối trên đất tranh chấp có diện tích nhiều H nên Hội đồng xét xử thống nhất chia diện tích đất tranh chấp cho ông H nhiều H bà X theo mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, bà X được quyền sử dụng tại vị trí (IVa) có diện tích 51.5m^2, ông H được quyền sử dụng tại vị trí (IVb) có diện tích 98.2m^2.

Đối với phần đất tranh chấp ven kênh tại vị trí (IIIa) diện tích 4.5m^2, vị trí (IIIb) diện tích 5,0m^2, qua trao đổi với Ủy ban nhân dân huyện L, tại Công văn số 536/UBND ngày 05/3/2021, đối với phần đất tại vị trí (IIIa), (IIIb) nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết cho các đương sự. Đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất tại vị trí (IIIa) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X tại thửa 360. Do đó, công nhận phần đất tại vị trí (IIIa) diện tích 4.5m^2 cho bà Lê Thị Hồng X là phù hợp. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ Lê Hoàng H ngày 10/4/2002, Ủy ban nhân dân huyện L thuận cho hộ tạm thời sử dụng 750m^2 đất ven sông (trong đó có phần đất tại vị trí IIIb diện tích 5,0m^2), trong khi nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng được trồng cây lâu năm, không được xây dựng kiên cố dựng chướng ngoài vật. Do đó ông H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tại vị trí (IIIb) diện tích 5,0m^2.

Đối với cây trồng trên phần đất tranh chấp: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 28/7/2020 trên phần đất tranh chấp có nhiều cây do ông H và bà X trồng. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang tiến hành khảo sát lại phần đất tranh chấp thì ý kiến của các đương sự như sau: Tòa án công nhận phần đất tranh chấp cho nguyên đơn hoặc bị đơn thì cây trồng của ai thì người đó đốn bỏ hoặc tự di dời không yêu cầu bồi thường về giá trị cây trồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về cây trồng trên đất tranh chấp.

Bị đơn ông Lê Hoàng H kháng cáo nhưng ông không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Đối với phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồng X, ông Lê Hoàng H được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 227, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng X.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Hoàng H.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng X.

2. Công nhận cho bà Lê Thị Hồng X được quyền sử dụng phần đất diện tích 51,5m^2, tại vị trí (IVa) và phần đất ven kênh diện tích 4,5m^2 tại vị trí (IIIa) theo Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

3. Công nhận cho hộ ông Lê Hoàng H được quyền sử dụng phần đất diện tích 98,2m^2, tại vị trí (IVb) theo Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

4. Ông Lê Hoàng H được sử dụng phần đất ven kênh tại vị trí (IIIb) diện tích 5,0m^2 (thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 103/CTCPTN&MTHG ngày 24/9/2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang) theo quy định pháp luật đất đai hiện hành.

5. Bà Lê Thị Hồng X và ông Lê Hoàng H được sở hữu cây trồng trên phần đất đã được công nhận.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồng X và ông Lê Hoàng H được miễn án phí theo quy định.

7. Về chi phí tố tụng ở cấp sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng X phải chịu 5.197.326đ *(năm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng)*, bà X đã nộp xong. Ông Lê Hoàng H phải chịu 2.820.000đ *(hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)*; Buộc ông H phải nộp để hoàn trả lại cho bà X số tiền 2.820.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

8. Chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồng X tự nguyện chịu 430.000 đồng *(bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/5/2021.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Quốc Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông-Trịnh Thị Bích Hạnh **Dương Quốc Tuấn**